

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thành
- Ông Bùi Hữu Soi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (trong việc giao nộp, nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án): Ông Trần Hoàng S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

2. Bị đơn: Ông C, K-C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số A, Lộ Quang H, Khóm B, thôn V, làng C, huyện V, Đài Loan.

(Chị N có mặt, ông C, K-C vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị N có người bạn lấy chồng ở Đài Loan. Qua mạng Facebook, người bạn đó chủ động liên hệ với chị N và mai mối cho chị N làm quen với ông C, K-C. Qua thời gian tìm hiểu khoảng 7- 8 tháng, ông C, K-C sang Việt Nam làm thủ tục đăng ký kết hôn và tổ chức cưới với chị N. Chị N và ông C, K-C đăng ký kết hôn ngày 25/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, chị N theo chồng sang Đài Loan sinh sống. Gia đình bên chồng khá giả, có vườn trồng cam, đối xử tốt với chị. Ông C, K-C hiểu chuyện và tâm lý, nói trước với chị, nếu thấy cuộc sống ở Đài Loan không phù hợp thì sẽ cho tiền, mua vé máy bay cho chị N trở về Việt Nam. Qua Đài Loan được 03 (ba) tháng, chị N thấy cuộc sống không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ, không thể giao tiếp, ông C, K-C hay ghen, không cho chị đi riêng với bạn, mà phải hai vợ chồng cùng đi, và các vấn đề khác,...Chị N không cố gắng thích ứng nên quyết định trở về Việt Nam từ cuối năm 2020 đến nay. Do thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn ông C, K-C.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của ông C, K-C: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông C, K-C1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là công dân Việt Nam và bị đơn ông C, K-C là công dân nước ngoài, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) nên vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị N cư trú tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và ông C, K-C không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa Gia đình và Người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị N là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án kèm đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cho ông C, K-C thông qua cơ quan ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp tại Công văn số 46/TTTPDS-TA20 ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với đương sự ông C, K-C bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp ngày 03/5/2024. Trong thông báo thụ lý

vụ án, Tòa án có yêu cầu phía bị đơn có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời ấn định và thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng đương sự Chang, K-C không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự Chang, K-C theo quy định tại khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn với ông C, K-C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và ông C, K-C đã được đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp (số 03/2020) theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện kết hôn. Do đó, đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và ông C, K-C là hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tuy nhiên sau khi kết hôn, chị N có theo chồng sang Đài Loan chung sống được thời gian ngắn (03 tháng), sau đó nhận thấy hoàn cảnh sống có nhiều bất đồng, bản thân chị N1 không cố gắng thích nghi, nên quyết định quay về Việt Nam, không còn chung sống với ông C, K-C.

Từ những căn cứ trên, cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và ông C, K-C có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu được ly hôn ông C, K-C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của chị N.

[3.2] Về con chung, về chia tài sản, về nợ chung: Chị N trình bày quá trình chung sống với ông C, K-C chưa có con chung, không có tài sản chung, không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về chi phí tố tụng khác: Chị N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và ông C, K-C ly hôn.
2. Về con chung: Không có. Không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: Không có. Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có. Không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003277 ngày 02/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào án phí phải nộp. (Chị N đã nộp án phí xong.)
6. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác ra nước ngoài chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003467 ngày 04/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. (Chị N đã nộp chi phí tố tụng xong.)
7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn một tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Cục Thi hành án Dân sự Tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ Tòa án Tỉnh;
- Ủy ban nhân dân thành phố H, Đồng Tháp.
- Lưu hồ sơ vụ án và VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Kiều Kim Xuân